

XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI VĂN HÓA CỦA NGƯỜI TÀY Ở XÃ QUANG LANG, HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA

TS. Nguyễn Thị Thanh Bình
ThS. Phạm Thị Thu Hà
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: *Giống như nhiều tộc người ở nước ta, văn hóa dân tộc Tày đã và đang trải qua quá trình biến đổi dưới tác động của công cuộc Đổi mới, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và hội nhập. Dựa trên nghiên cứu thực tế tại hai thôn người Tày ở xã Quang Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, bài viết này tập trung làm rõ các xu hướng biến đổi văn hóa của người Tày, đó là: sự biến đổi không gian thôn làng; sự mai một các giá trị văn hóa vật chất, ngôn ngữ và văn học, nghệ thuật; sự phục hồi các nghi lễ trong gia đình và cộng đồng. Bài viết cũng chỉ ra, sự biến đổi văn hóa của người Tày hiện nay do nhiều yếu tố tác động như: quá trình đô thị hóa và sự phát triển của kinh tế thị trường; giao lưu và tiếp biến văn hóa; tác động của các yếu tố chính sách và sự biến đổi ngay trong nhận thức của chủ thể văn hóa.*

Từ khóa: *Dân tộc Tày, biến đổi văn hóa, đô thị hóa.*

Mở đầu

Công cuộc Đổi mới cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập đã làm cho văn hóa các dân tộc ở Việt Nam hiện nay biến đổi mạnh mẽ. Sự biến đổi này được biểu hiện ở các xu hướng: giao lưu và ảnh hưởng; đồng hóa tự nhiên về văn hóa; vừa có sự mai một, đồng thời lại vừa có xu hướng phục hồi các giá trị văn hóa truyền thống (Ngô Đức Thịnh, 2006; Không Diễn, 2010; Nguyễn Văn Mạnh, 2010). Văn hóa của người Tày ở nước ta cũng không nằm ngoài xu hướng chung này. Mặc dù đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về người Tày nhưng hầu hết các nghiên cứu chỉ đề cập đến các thành tố văn hóa và sự biến đổi của một

số khía cạnh văn hóa đó, ít khi xem xét đến sự biến đổi văn hóa ở một cộng đồng địa phương cụ thể. Một số nghiên cứu đã chỉ ra, văn hóa tộc người ở trong hoặc gần khu vực đô thị càng bị tác động mạnh bởi mâu thuẫn giữa phát triển và giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống [Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh (Đồng chủ biên), 2012, tr. 84] nhưng lại ít có nghiên cứu trường hợp nào minh chứng cho nhận định đó. Vì vậy, bài viết này sẽ cung cấp thêm nguồn tư liệu thực tế về thực trạng và các xu hướng biến đổi văn hóa của người Tày ở xã Quang Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn hiện nay.

Quang Lang là một trong 19 xã của huyện Chi Lăng, có diện tích tự nhiên 30,79km² và dân số 7.541 người (năm 2015). Xã gồm 13 thôn với 3 dân tộc sinh sống chủ yếu là Tày, Nùng và Kinh. Người Tày ở đây có 542 hộ với 2.256 nhân khẩu, chiếm 31,13% dân số toàn xã. Trong 4 thôn có số lượng người Tày sinh sống tập trung nhất của xã Quang Lang, hai thôn Khun Phang và Làng Đăng được chọn làm điểm nghiên cứu bởi hai thôn này có trên 90% người Tày sinh sống. Trong đó, Khun Phang là thôn nằm sát thị trấn Đồng Mỏ nên chịu sự tác động của quá trình đô thị hóa mạnh hơn thôn Làng Đăng (cách thị trấn Đồng Mỏ 3km). Việc lựa chọn hai điểm nghiên cứu này sẽ góp phần so sánh và làm nổi bật những biến đổi văn hóa của người Tày nơi đây dưới tác động của đô thị hóa.

1. Các xu hướng biến đổi văn hóa của người Tày

1.1. Biến đổi không gian thôn làng

Không gian cảnh quan, kiến trúc của các thôn ở xã Quang Lang xưa kia được cấu trúc bởi không gian ở, không gian sinh hoạt cộng đồng, không gian thiêng và không gian canh tác. Thôn được bao bọc bởi lũy tre và mỗi xóm đều có cổng làng nhằm thực hiện chức năng phòng thủ. Hệ thống đường làng chủ yếu là đường đất và các làng được nối với nhau bằng những con đường nhỏ hẹp. Giếng và ao làng cũng chiếm một vị trí quan trọng góp phần tạo nên cảnh quan của thôn làng truyền thống. Giếng là nơi cung cấp nước sạch chính cho cư dân và cũng là không gian giao tiếp cộng đồng; trong khi đó, ao lại đóng vai trò đảm bảo chu trình sinh thái của làng, vừa để nuôi cá, vừa sử dụng để giặt giũ, làm nguồn nước tưới cho

ruộng vườn,... Nhà ở của người Tày được xây dựng vòng quanh chân núi. Mỗi ngôi nhà đều có khuôn viên riêng, được bao quanh bởi vườn và ao. Mỗi thôn đều có không gian thiêng là miếu thờ Thổ công - vị thần cai quản mảnh đất mà dân bản đang sinh sống. Bên ngoài thôn là không gian mở với cánh đồng lúa, khu nghĩa địa và những con đường kết nối thôn với các xóm làng xung quanh.

Hiện nay, cùng với sự tăng nhanh của dân số, một diện tích lớn đất canh tác đã được chuyển đổi thành đất ở, đất phục vụ cho các công trình xây dựng và đường giao thông. Sự biến đổi này đã làm mờ đi sự phân chia tương đối rõ ràng giữa không gian cư trú và không gian canh tác - vốn là không gian tách biệt giữa các thôn trước đây. Trải qua biến đổi của thời gian, cổng làng cổ kính và gấn bó khi xưa đã được thay thế bằng cổng làng với lối kiến trúc hiện đại. Tại các thôn, hầu hết đường làng đã được bê tông hóa, các công trình công cộng cũng đã được xây dựng theo kiến trúc mới khiến cho không gian nơi đây có sự đan xen giữa làng và phố, giữa truyền thống và hiện đại. Trong từng hộ gia đình, việc chia sẻ đất ở cho các con cũng là một nguyên nhân làm mất đi khuôn viên với ao, vườn rộng rãi. Năm 2000, từ khi xây dựng đường Quốc lộ 1A, đã có khoảng 30 hộ gia đình của hai thôn chuyển ra ngoài mặt đường để sinh sống, dẫn đến sự xuất hiện của những không gian mới, đảm nhiệm chức năng giải trí, dịch vụ, phù hợp với lối sống hiện đại như nhà hàng, quán café, quán internet, tiệm cắt tóc, cửa hàng buôn bán tạp hóa,...

Trong sự phát triển kinh tế như hiện nay, không gian cư trú được bố trí theo lối

truyền thống đã trở nên không còn phù hợp nữa. Lối sống hiện đại đã tạo điều kiện cho người dân hình thành những nhu cầu mới, quan niệm mới về nhà ở. Trong giới hạn đất đai ngày càng thu hẹp, nhiều hộ gia đình ở thôn Khun Phang đã phải chuyển sang xây nhà tầng để tăng diện tích sử dụng. Quan niệm về việc phải xây nhà theo hướng Nam như trước đây đã không còn phù hợp mà thay vào đó, nhà phải được quay hướng ra mặt đường để thuận lợi cho kinh doanh.

Các không gian tín ngưỡng xưa của người Tày thường được lập đơn sơ ở những nơi vắng vẻ, có ít người qua lại để tạo màu sắc huyền bí, linh thiêng. Trước những năm 1980, do chiến tranh và chính sách chống mê tín dị đoan trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, các đình và miếu trong thôn đã bị phá hủy. Đến năm 2014, một số di tích này được khôi phục như đình làng Mỏ (thôn Khun Phang) và miếu Thổ công (thôn Làng Đẳng), được đặt tại vị trí ngay đầu xóm và đông người qua lại. Những quan niệm về khu đất thiêng trước đây đã thay đổi, có lẽ chỉ tồn tại trong ký ức dân gian với những địa danh của quá khứ.

Sự biến đổi của không gian làng có nguồn gốc trước hết từ chính các bước phát triển kinh tế - xã hội trong nội tại cộng đồng thôn, sau đó mới đến những yếu tố thúc đẩy sự chuyển đổi này nhanh hơn như sức ép dân số và việc xây dựng đường Quốc lộ 1A. Những biến đổi này đã phản ánh sự ứng phó của thôn trước quá trình đô thị hóa trong hơn một thập kỷ qua từ cấu trúc nông thôn truyền thống sang cấu trúc nông thôn hiện đại. Đó cũng là xu hướng biến đổi chung của các làng quê ở nước ta hiện nay.

1.2. Sự mai một các giá trị văn hóa vật chất, ngôn ngữ và văn học nghệ thuật dân gian

Các nghiên cứu về văn hóa tộc người ở Việt Nam đã chỉ ra rằng, trong quá trình Đổi mới và hội nhập, ngôn ngữ, văn hóa vật chất và văn học nghệ thuật truyền thống là những yếu tố biến đổi nhanh hơn cả [Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh (Đồng chủ biên), 2012, tr. 254]. Với người Tày ở xã Quang Lang, do cư trú gần môi trường đô thị và chịu tác động của quá trình đô thị hóa nên các thành tố văn hóa này cũng đang đứng trước nguy cơ bị mai một.

Về nhà ở: Ngôi nhà truyền thống của người Tày ở xã Quang Lang gồm hai loại hình nhà là nhà sàn và nhà trình tường. Từ những năm 1980 trở đi, người Tày không còn dựng nhà sàn nữa do rừng xung quanh bị tàn phá và nguyên vật liệu làm nhà cũng trở nên khan hiếm. Việc làm nhà trình tường cũng giảm dần do tốn nhiều công sức và thời gian. Thay vào đó, người Tày đã chuyển sang xây nhà cấp 4 với thiết kế kỹ thuật khá đơn giản, không phải tốn nhiều gỗ đủ tiêu chuẩn và có thể sử dụng khá linh hoạt nhiều nguyên vật liệu sẵn có trên thị trường. Hiện nay, đây là loại hình nhà phổ biến, nhà cổ truyền đã gần như mai một. Xu hướng làm nhà tầng (2 - 3 tầng) đang ngày càng phát triển trong vùng, đặc biệt là tại thôn Khun Phang do đây là thôn giáp ranh với thị trấn, tỷ lệ người nhập cư cao, số hộ làm công chức, kinh doanh cũng nhiều hơn. Sự biến đổi về nhà ở của người Tày còn thể hiện ở việc bố trí mặt bằng sinh hoạt, đặc biệt là sắp xếp vị trí, nơi ngủ nghỉ của các thành viên và sự xuất hiện các tài sản, vật dụng hiện đại trong nhà như bàn ghế salon, tủ gỗ,

ti vi, tủ lạnh,... Trước đây, người Tày thường làm nhà theo hướng Nam hoặc mặt trước hướng ra sông, hồ, lưng nhà dựa vào dãy núi. Hiện nay, trước áp lực của sự gia tăng dân số, việc chọn đất làm nhà và hướng nhà như xưa đã không còn được coi trọng, thậm chí khó có thể thực hiện.

Về trang phục: Trang phục cổ truyền của người Tày ở xã Quang Lang được làm từ vải sợi bông tự dệt, nhuộm chàm, hầu như không thêu thùa, trang trí hoa văn. Từ năm 1970 trở đi, do sự thay đổi về điều kiện lịch sử, kinh tế - xã hội, người Tày ở đây đã chuyển sang mặc Âu phục giống người Kinh. Từ năm 1980 đến nay, hầu như không ai còn sử dụng bộ trang phục truyền thống nữa, ngoại trừ một số cụ bà vẫn lưu giữ được nhưng không bao giờ sử dụng mà chỉ cất kỹ trong đáy hòm như những kỷ vật quý giá. Khi xã hội phát triển, sự tiếp thu những ảnh hưởng ăn mặc của người Kinh ngày càng mạnh mẽ đã khiến cho giới trẻ người Tày có xu hướng ăn mặc, làm tóc theo một thời trang hiện đại.

Về ăn uống: Trước Đổi mới, các bữa ăn hàng ngày của người Tày thường chỉ có cơm với rau xanh, thỉnh thoảng mới có thịt gà, thịt lợn và cá, tôm, cua được đánh bắt ở sông, suối. Trong các dịp lễ, tết, đồng bào có nhiều món ăn đặc sắc như xôi màu, thịt treo, bánh trứng kiến, *khau nhục*, *nhùng*, *tàn quẩy*,... Sau Đổi mới, khi đời sống kinh tế của người dân được cải thiện, quá trình giao lưu, hội nhập văn hóa ngày càng được mở rộng cùng với những thay đổi của môi trường tự nhiên đã làm cho tập quán ăn uống của Tày biến đổi mạnh mẽ. Một số món ăn truyền thống bị mất đi hoặc được chế biến theo kỹ thuật mới. Bên cạnh đó là sự xuất hiện của

các món ăn mới mà họ tiếp thu được ở người Kinh như nem, giò, chả, hải sản,...

Về ngôn ngữ: Do có lịch sử tiếp xúc, giao lưu với người Kinh khá sớm nên từ năm 1960 trở đi, người Tày ở xã Quang Lang đã sử dụng và phát âm tiếng Kinh khá thành thạo, ngôn ngữ Tày ngày càng bị suy giảm trong đời sống cộng đồng. Khảo sát tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, việc sử dụng ngôn ngữ trong gia đình của người Tày hiện nay gồm có ba hình thức: i) Chủ yếu sử dụng ngôn ngữ dân tộc; ii) Sử dụng đồng thời ngôn ngữ dân tộc và tiếng phổ thông; iii) Sử dụng chủ yếu ngôn ngữ phổ thông. Nghiên cứu tại thôn Khun Phang cho thấy, tiếng Kinh là ngôn ngữ chủ yếu được dùng trong gia đình của người Tày (chiếm 95%) do đây là thôn có thành phần dân tộc đa dạng. Trong khi đó, tại thôn Làng Đăng, do dân cư đa số là người Tày, lại xa trung tâm thị trấn Đồng Mỏ hơn nên việc sử dụng tiếng dân tộc lại chiếm vị trí chủ đạo (chỉ có 26,6% sử dụng tiếng phổ thông trong gia đình). Tuy nhiên, ngay tại thôn Làng Đăng, tiếng dân tộc cũng chỉ được sử dụng ở lớp trung niên và người già, còn thanh niên lại sử dụng tiếng Kinh là phổ biến. Trong các sinh hoạt cộng đồng như cưới xin, ma chay... người dân có xu hướng sử dụng tiếng phổ thông và song ngữ (Tày - Kinh) là phổ biến, còn khi đi chợ và trao đổi mua bán họ chỉ sử dụng tiếng Kinh. Điều tra tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, sau năm 1980, lớp trẻ người Tày chỉ biết nghe mà không biết nói tiếng dân tộc; còn hiện nay họ không biết cả nghe và nói ngôn ngữ của dân tộc mình.

Về văn học, nghệ thuật: Sự biến đổi văn hóa của người Tày còn thể hiện rõ nét trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Xưa kia,

người Tày ở xã Quang Lang có một nền văn học dân gian phong phú và được lưu truyền qua hình thức truyền miệng là chủ yếu như thơ ca, truyền thuyết, ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích,... Từ sau năm 1954, do tập trung cho chiến tranh và xây dựng kinh tế tập thể, những tác phẩm văn học hay những câu ca dao, thành ngữ, hát *lượn*, hát *quan lang*... đã không còn được đồng bào lưu giữ và thực hành trong cộng đồng. Gần đây, sự bùng nổ của ngành xuất bản, truyền thông cùng các phương tiện nghe nhìn hiện đại đã ngày càng thu hút giới trẻ. Khảo sát tại địa bàn cho thấy, có 96,43% người được hỏi không biết và không nhớ bài hát truyền thống của dân tộc. Có nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trong số các loại hình nghệ thuật truyền thống của người Tày hiện nay, chỉ có *Then* là được duy trì và phát triển (Nguyễn Thị Thanh Bình, 2016, tr. 104). Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn ở xã Quang Lang cho thấy, chỉ có lớp già và trung niên yêu thích *Then* còn giới trẻ hầu như không mấy quan tâm đến loại hình âm nhạc diễn xướng này.

1.3. Sự phục hồi và cải biến các nghi lễ trong gia đình và cộng đồng

Với tín ngưỡng dân gian được xây dựng trên quan niệm “vạn vật hữu linh”, người Tày có nhiều hình thức thờ cúng khác nhau trong gia đình và cộng đồng. Trong đó, thờ cúng tổ tiên chiếm vị trí quan trọng nhất trong đời sống tâm linh của người Tày. Trước đây, việc cúng tổ tiên thường được tiến hành vào những ngày lễ tết, các dịp cưới xin, ma chay, làm nhà mới, làm lễ kỳ yên hay những khi gia đình có chuyện không may. Hiện nay, việc thờ cúng tổ tiên của người Tày được diễn ra thường xuyên hơn, đặc biệt là trước một sự kiện quan trọng như con cháu đi làm ăn xa, đi thi đại học,... Việc

thắp hương tổ tiên còn được tiến hành định kỳ vào ngày mùng 1, ngày 15 Âm lịch hàng tháng giống như người Kinh (Bế Văn Hậu, 2012). Từ chỗ không được duy trì và bị mai một trong những năm chiến tranh và xây dựng kinh tế tập thể thì sau Đổi mới, các lễ tết trong năm của người Tày như Tết Nguyên đán, Rằm tháng Bảy và các nghi lễ liên quan đến thờ cúng tổ tiên của người Tày đã được phục hồi với mong muốn nhớ ơn tổ tiên và hy vọng tổ tiên luôn phù hộ cho con cháu làm ăn may mắn. Ngược lại, một số nghi lễ liên quan đến nông nghiệp như Tết Đoan ngọ, Tết cơm mới, Tết làm cốm, làm bánh dày lại có xu hướng bị giảm thiểu.

Các lễ *Then* cầu an, giải hạn đầu năm vẫn được người Tày ở xã Quang Lang duy trì. Tuy nhiên, sự tác động của kinh tế thị trường và chương trình y tế quốc gia đã làm cho những giá trị của *Then* cũng như niềm tin vào *Then* có phần thay đổi. Nếu như trước đây, các thầy *Then*, thầy *Mo* được coi là những người đi “cứu nhân độ thế” nhưng hiện nay, ý nghĩa ấy dường như bị mất đi và thay vào đó là yếu tố kinh tế ngày càng xâm nhập nhiều vào trong các lễ *Then*.

Ngoài những nghi lễ trong gia đình, tín ngưỡng thờ Thổ công cũng đóng một vai trò rất quan trọng trong thờ cúng của người Tày ở xã Quang Lang, nhằm tưởng nhớ vị thần đã dẫn dắt người Tày đến khai hoang, lập bản. Sau một thời gian dài lễ hội xuống đồng (*lồng tồng*) không còn được duy trì do đình làng bị tàn phá trong những năm chiến tranh, đến năm 2014 đình làng Mỏ và hội *lồng tồng* đã được khôi phục trở lại. Theo người dân, tâm lý hướng về tổ tiên này không phải đến bây giờ mới xuất hiện mà luôn thường trực trong mỗi người dân làng. Tuy nhiên, do một thời kỳ dài khó khăn về kinh tế và

chưa thật sự cởi mở về chính sách nên đã khiến họ không thực hiện được việc đó một cách cẩn thận. Hiện nay, khi đời sống kinh tế phát triển và có điều kiện hơn về thời gian và tiền bạc, họ mới chú ý đến việc thờ cúng được chu đáo hơn. Sự phát triển của kinh tế thị trường thời gian qua một mặt làm cho đời sống của người dân thôn Khun Phang có nhiều đổi mới nhưng mặt khác, cũng có không ít những rủi ro, bất trắc mà họ phải đối diện như các vấn đề về sức khỏe, bệnh tật, tai nạn, thiên tai bất thường,... Chính vì vậy, họ có xu hướng tìm đến các yếu tố tâm linh càng nhiều để cầu mong sự bình yên cho cuộc sống và công việc.

Cưới xin và ma chay là những nghi lễ quan trọng nhất trong chu kỳ đời người của người Tày, hiện nay cũng đã trải qua nhiều cải biến. Đám cưới hiện không còn phải trải qua 4 bước như xưa mà đã gọn lại còn 2 bước, đó là lễ ăn hỏi và lễ cưới, bỏ qua lễ tìm hiểu và lễ lấy lá số. Tục hát *quan lang* trong đám cưới đã không còn được thực hành do quá rườm rà và mất nhiều thời gian. Từ năm 1990, cô dâu và chú rể người Tày đã không còn mặc bộ trang phục chàm truyền thống nữa mà thay thế vào đó là bộ trang phục cưới như người Kinh. Các loại hình dịch vụ cho thuê loa đài, phong bật, bát đĩa,... phục vụ đám cưới ngày càng được du nhập tương đối sâu rộng vào cộng đồng người Tày. Một số gia đình khá giả ở thôn Khun Phang đã thuê nhà hàng để tổ chức đám cưới cho con. Trong xu thế hội nhập và giao lưu văn hóa hiện nay, tang ma của người Tày cũng có nhiều biến đổi. Trước đây, người mất được để trong nhà từ 5 - 7 ngày, nhưng hiện nay lâu nhất cũng không quá 48 tiếng theo quy định của nhà nước. Nếu như xưa kia quy định phải để tang người mất 3 năm mới được bỏ khăn tang thì

ngày nay chỉ sau 1 năm là người Tày đã làm lễ *piết khăn* (bỏ khăn) cho họ hàng, con cháu đi công tác, làm ăn xa. Lễ vật đến phúng viếng trước đây chỉ có vàng hương và gạo thì nay đã được thay thế bằng tiền mặt là chính.

2. Các yếu tố tác động đến biến đổi văn hóa của người Tày

2.1. Sự phát triển của kinh tế thị trường và đô thị hóa

Trong những năm 1960 - 1980, ở khu vực thị trấn Đồng Mỏ và xã Quang Lang, đã có sự hình thành các nhóm di dân người Kinh ở dưới xuôi lên xây dựng kinh tế mới và làm việc trong các công trường, lâm trường, nhà máy tại địa bàn. Năm 1995, khi thị trấn Đồng Mỏ mở rộng địa giới hành chính, đã sáp nhập thêm một xóm của thôn Đồng Mỏ, xã Quang Lang, làm cho diện tích thị trấn ngày càng được mở rộng. Trong những năm gần đây, sự phát triển kinh tế thị trường và mở rộng các hoạt động buôn bán, dịch vụ đã khiến cho thị trấn Đồng Mỏ trở nên sầm uất hơn, hệ thống ngành nghề được đa dạng hóa, thu hút nhiều lao động ở các xã lân cận đến làm ăn, sinh cơ lập nghiệp. Quỹ đất đai để xây dựng các công trình công cộng đã được sử dụng tối đa, nhiều gia đình ở thị trấn đã phải mua đất ở xã ven đô như Quang Lang để xây dựng nhà cửa. Bên cạnh đó, sự thành lập thị trấn Chi Lăng năm 1983 và xây dựng khu công nghiệp Đồng Bành tại đây năm 2007 (một trong hai khu công nghiệp chính của tỉnh Lạng Sơn) đã góp phần tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân trong vùng, đặc biệt là người Tày ở xã Quang Lang.

Sự thay đổi rõ rệt nhất trong đời sống kinh tế của người Tày ở xã Quang Lang

được bắt đầu từ năm 2000 - thời điểm xây dựng tuyến đường Quốc lộ 1A Hà Nội - Lạng Sơn, chạy qua địa phận huyện Chi Lăng. Việc mở đường Quốc lộ 1A đã lấy đi hơn 6ha đất canh tác của hơn 40 hộ gia đình ở hai thôn Khun Phang và Làng Đăng. Trong một vài năm tới, con đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn sẽ tiếp tục được mở rộng và có thể sẽ lấy đi số diện tích đất ở, đất canh tác tương ứng với số diện tích đã mất năm 2000. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong thôn diễn ra sôi nổi trong hơn 10 năm trở lại đây mang theo nhiều biến đổi của thôn làng, đặc biệt về mức sống và cơ sở hạ tầng. Do sức ép dân số nên đã làm cho diện tích đất nông nghiệp, ao đầm, gò bãi... xưa kia đang bị thu hẹp dần để nhường chỗ cho đất ở, đất sản xuất. Chính điều này đã khiến cho hai thôn Khun Phang và Làng Đăng đặt vào trung tâm của quá trình đô thị hóa.

Những biến đổi về kinh tế cũng đã tạo nên sự đa dạng hóa ngành nghề trong thôn như nông nghiệp, buôn bán, dịch vụ, làm thuê, đi làm ăn xa,... Đây chính là một sự thay đổi về chất đang diễn ra tại thôn Khun Phang. Tuy nhiên, tại thôn Làng Đăng, sự biến đổi có vẻ “im lìm” hơn nhưng bên trong cũng nảy sinh những biến động ngầm mạnh mẽ. Tại đây, thanh niên chủ yếu đi làm thuê ở ngoài thị trấn, trong làng chỉ còn các lao động phụ, người già và trẻ em. Những dòng kinh tế chủ lực đến từ bên ngoài cũng làm cho văn hóa của làng biến đổi mạnh tuy không phải trong một sớm một chiều. Bên cạnh những tác động tích cực của quá trình đô thị hóa, người dân xã Quang Lang cũng phải đối mặt với những bất ổn trong xã hội như vấn đề việc làm, thất nghiệp, các tệ nạn xã hội đang có xu hướng gia tăng.

Sự phát triển của các phương tiện thông tin - truyền thông cũng là một trong

những yếu tố tác động đến biến đổi văn hóa của người Tày. Trong mỗi thôn hiện nay đều có loa phát thanh, được phát sóng hàng ngày vào lúc 6 giờ sáng và 5 giờ chiều. Nội dung các thông tin phát đi rất đa dạng như phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các sự kiện chính trị nổi bật của địa phương, vấn đề tệ nạn xã hội và an toàn giao thông,... Ngoài hệ thống truyền thanh, thông tin về các hoạt động văn hóa - xã hội còn đến với người dân qua hệ thống khẩu hiệu dưới các hình thức như pano, áp phích,... Ở từng gia đình, hệ thống thông tin được tiếp cận khá đa dạng. Khoảng 95% các hộ người Tày trong thôn Khun Phang và Làng Đăng đã có ti vi với các hệ thống bắt sóng như chảo, truyền hình cáp, My TV (dịch vụ truyền hình đa phương tiện), giúp cho lượng thông tin từ truyền hình đến với người dân được cập nhật khá tốt. Các loại trang thiết bị viễn thông hiện đại, đặc biệt là sự phát triển của điện thoại di động cũng ngày càng góp phần quan trọng trong việc kết nối, liên lạc thường xuyên hơn tại cộng đồng. Việc sử dụng internet đã và sẽ ngày càng phổ biến, nhất là với những hộ buôn bán, cán bộ nhà nước và đặc biệt là lớp trẻ.

2.2. Quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa

Giao lưu văn hóa là quy luật tất yếu của quá trình tộc người và càng được đẩy mạnh trong bối cảnh đô thị hóa và hội nhập. Do đặc điểm tự nhiên và lịch sử, người Tày ở xã Quang Lang đã có mối quan hệ với người Kinh từ lâu đời. Sự giao lưu này trước hết phải kể đến sự có mặt của người Tày tham gia vào triều đình phong kiến Việt Nam như Vi Đại Huệ, Lô Văn Lã - là những tướng chuyên đi sứ Trung Quốc. Năm 1900, ông Lô Văn Đăng còn được giao cho giữ

chức Tri châu tại huyện Ôn Châu (thuộc Đồng Mô xưa). Sau đó, có khá nhiều người Tày giữ chức Chánh tổng như Vi Khải Tiên (thôn Làng Đăng), Lô Khải Nguyên (thôn Khun Phang). Khi thực dân Pháp xây dựng con đường 1A (cũ) năm 1890 và tuyến đường sắt thống nhất chạy qua huyện Chi Lăng năm 1910 đã thu hút một lượng lớn người Kinh ở dưới xuôi lên làm phu, công nhân, làm đường và khai thác mỏ. Sau cách mạng tháng Tám (1945) và đặc biệt là sau khi hòa bình lập lại (1954), sự giao lưu giữa người Tày với người Kinh ngày càng diễn ra mạnh mẽ. Năm 1960, với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng vùng kinh tế mới ở vùng miền núi, một bộ phận người Kinh ở dưới xuôi như Thái Bình, Hà Nam Ninh, Hà Bắc... đã lên Lạng Sơn rất nhiều và định cư ở lại làm ăn, sinh sống, xây dựng kiến thiết nông trường, lâm trường, thậm chí có cả các cán bộ tổ chức Đảng, chính quyền, giáo viên, công nhân, lái xe từ miền xuôi lên đây công tác. Đây là lực lượng quan trọng trong việc xác lập mối quan hệ giữa họ với người Tày trong vùng. Qua cộng cư và hôn nhân với người Kinh đã làm cho văn hóa người Tày biến đổi mạnh theo xu hướng lấy văn hóa Kinh làm chuẩn mực. Điểm đáng chú ý là trong giao lưu văn hóa giữa các tộc người không xảy ra hiện tượng xung đột văn hóa. Họ tiếp thu văn hóa của người Kinh một cách tự nguyện trên cơ sở nền văn hóa đó đáp ứng những nhu cầu về vật chất và tinh thần của họ. Tuy nhiên, việc tiếp thu các yếu tố văn hóa của người Kinh cũng làm cho văn hóa Tày đứng trước nhiều thách thức, đó là làm giảm sự đa dạng và phai nhạt bản sắc văn hóa tộc người.

2.3. Tác động của yếu tố chính sách

Sự biến đổi văn hóa của người Tày không nằm ngoài tác động của yếu tố chính

sách. Sự phát triển của giáo dục tại địa phương đã làm cho việc sử dụng tiếng phổ thông trong cộng đồng người Tày trở nên ngày càng phổ biến. Cùng với giáo dục, hệ thống hành chính các cấp cũng được quy chuẩn hóa, ngày càng hoàn thiện và hoạt động có chất lượng với tiếng Kinh là ngôn ngữ hành chính. Điều đó khiến cho tiếng Kinh ngày càng có điều kiện mở rộng, thấm sâu hơn vào đời sống tộc người.

Các chủ trương, chính sách cùng với các hình thức tuyên truyền văn hóa của Đảng và Nhà nước đến tận thôn bản đã làm cho đời sống văn hóa của người Tày có nhiều biến đổi sâu sắc, như chính sách về xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước; xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở; phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ; phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn văn hóa;...

Việc xây dựng nhà văn hoá thôn luôn được huyện quan tâm chỉ đạo, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, được triển khai đồng bộ trên toàn huyện. Đến nay, huyện Chi Lăng có 181/212 nhà văn hóa thôn (chiếm 85,3%), 09/21 nhà văn hóa xã (chiếm 42,8%), 14 điểm bưu điện văn hoá xã. Các công trình văn hóa cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hội họp của nhân dân trên địa bàn huyện. Cơ sở vật chất của nhà văn hóa đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân thường xuyên đến sinh hoạt, trao đổi thông tin, học hỏi lẫn nhau và thắt chặt thêm tình đoàn kết. Bên cạnh đó, nhà văn hóa còn giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức các hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, xã hội ở địa phương.

Hưởng ứng phong trào “*Lạng Sơn cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*”,

các con đường giao thông liên thôn, xây dựng Nhà Văn hóa và xây dựng cổng làng ở hai thôn Khun Phang và Làng Đăng đã được sửa chữa và nâng cấp trong thời gian 2015 - 2016. Số lượng gia đình văn hóa, thôn văn hóa hàng năm ngày càng tăng. Xây dựng gia đình văn hóa là nội dung hết sức quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 9, khoá XI về “*xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”. Phong trào đã được nhân dân đồng tình hưởng ứng và tham gia đăng ký thực hiện. Có thể khẳng định, cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” thực sự đi vào cuộc sống của mỗi người dân ở xã Quang Lang. Qua đó, đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cộng đồng trong tham gia thực hiện thắng lợi các phong trào thi đua yêu nước do Đảng và Nhà nước phát động. Đó cũng là những yếu tố tác động đến sự biến đổi văn hóa truyền thống của người Tày trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập.

2.4. Biến đổi trong nhận thức của chủ thể văn hóa

Bên cạnh những yếu tố khách quan tác động từ bên ngoài thì sự biến đổi trong nhận thức của chủ thể văn hóa cũng là một trong những yếu tố chủ quan tác động không nhỏ đến biến đổi văn hóa của người Tày. Khi hỏi cảm nhận của người dân về việc họ có hài lòng với thực trạng biến đổi văn hóa như hiện nay không, chúng tôi nhận thấy có ba xu hướng: i) Một bộ phận tự nguyện muốn hòa nhập với văn hóa Kinh, đặc biệt là giới trẻ. ii) Thế hệ trung niên và người cao tuổi, họ cảm thấy tiếc nuối với những công lao đóng góp một thời cách mạng để vun đắp nên lối sống văn hóa tốt đẹp xưa kia - một nếp sống trong lành; lớp trẻ có sự kính trên,

nuông dưới; xã hội không có sự kèn cựa và tranh chiếm... nhưng họ cũng cho rằng, những yếu tố văn hóa nào tiến bộ thì cần phải học theo hay nói cách khác, họ sẵn sàng du nhập nhưng không tiếp nhận hết. iii) Một bộ phận theo xu hướng “tâm lý đám đông”, không có những định hướng rõ ràng về văn hóa theo kiểu “thấy họ thay đổi, mình cũng thay đổi”.

Có thể nói, sự tác động liên tục và đều đặn của văn hóa Kinh trong bối cảnh đô thị hóa như hiện nay đã làm cho tâm lý của từng người phải luôn thay đổi để bắt nhịp với mọi diễn biến của thời cuộc. Tuy nhiên, do phạm vi và cường độ của giao lưu văn hóa như hiện nay đã tạo nên sự “*nhiech loạn*” giữa yếu tố hiện đại và cổ truyền, đặc biệt là khi chủ thể của nền văn hóa bản địa không đủ điều kiện để chọn lọc, tiếp thu và kế thừa các giá trị tinh hoa văn hóa ngoại nhập.

Kết luận

Sau hơn 30 năm Đổi mới, dưới sự tác động của kinh tế thị trường và đô thị hóa, các chính sách của Nhà nước, giao lưu và tiếp biến văn hóa... đã làm cho văn hóa truyền thống của người Tày ở xã Quang Lang biến đổi mạnh mẽ. Xu hướng nổi bật trong quá trình biến đổi văn hóa của người Tày nơi đây là sự thay đổi không gian thôn làng theo hướng mở rộng không gian cư trú, thu hẹp không gian canh tác; sự *mai một* các yếu tố văn hóa như nhà cửa, trang phục, ẩm thực, ngôn ngữ, văn học - nghệ thuật; sự *phục hồi* các giá trị văn hóa tâm linh để thích nghi và đáp ứng nhu cầu trong xã hội hiện đại.

Sự biến đổi trong văn hóa của người Tày đã làm nảy sinh một hệ quả là tầng lớp trẻ hiện nay trong khi chưa tiếp nhận bền vững những giá trị văn hóa truyền thống thì

những làn sóng văn hóa bên ngoài tràn vào đã khiến cho họ không đủ sức chọn lọc, dẫn đến việc họ tiếp nhận văn hóa theo lối “lai căng, học đòi”. Trong khi đó, tầng lớp trung niên và người già trong cộng đồng lại đang trần trụi với việc lựa chọn, lưu giữ những yếu tố văn hóa đặc sắc nhất để khẳng định bản sắc văn hóa của người Tày trong bối cảnh mới.

Để giải quyết mâu thuẫn giữa phát triển và bảo tồn văn hóa truyền thống, bên cạnh những chính sách đã ban hành về phát triển văn hóa, nên chăng Nhà nước cần hỗ trợ kinh phí để xây dựng ít nhất 1 ngôi nhà truyền thống tại mỗi thôn/xóm. Ngôi nhà đó sẽ là nơi chủ thể văn hóa tái hiện các hoạt động văn hoá truyền thống trong các dịp lễ tết như ẩm thực, trang phục, phong tục, nghi lễ, hát dân ca,... Trong thực tế, nếu người Tày bảo tồn được văn hóa truyền thống, đồng thời có sự định hướng, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo thì bản thân chủ thể văn hóa đó sẽ khai thác có hiệu quả các dịch vụ văn hóa truyền thống tộc người, góp phần cho kinh tế phát triển (Nguyễn Thị Quế Loan, Nguyễn Xuân Chiến, 2012, tr. 11). Bên cạnh đó, các thôn/xóm cần phải xây dựng những quy định về kết hợp giữa văn hóa truyền thống và hiện đại dựa trên những tham góp của chính chủ thể văn hóa. Việc bảo tồn văn hóa truyền thống gắn liền với phát triển kinh tế chính là sự tuyên truyền hiệu quả nhất giúp người dân có ý thức trong giữ gìn và phát triển bền vững văn hóa tộc người.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Thanh Bình (2016), “Dân tộc Tày”, trong: Vương Xuân Tình (Chủ biên), *Các dân tộc ở Việt Nam. Tập 2: Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Ka đai*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Không Diễn (2010), “Khả năng thích ứng của các dân tộc đa số và thiểu số trước tác động của các yếu tố nội sinh và ngoại sinh trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam”, trong: *Những yếu tố tác động đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Bé Văn Hậu (2012), *Nghiên cứu một số nét biến đổi văn hóa người Tày tại Lạng Sơn trong quá trình Đổi mới kinh tế - xã hội*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Quế Loan, Nguyễn Xuân Chiến (2012), “Tác động của đô thị hóa tới văn hóa tộc người”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 3-11.
4. Nguyễn Văn Mạnh (2010), “Xu hướng biến đổi văn hoá các tộc người thiểu số ở Thừa Thiên - Huế trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 3-9.
5. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Vương Xuân Tình (2014), *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Vương Xuân Tình (Chủ biên) (2015), *Các dân tộc ở Việt Nam. Tập 1: nhóm ngôn ngữ Việt - Mường*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh (Đồng chủ biên, 2012), *Phát triển bền vững văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập ở vùng Đông Bắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.